CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cao su Sông Bé

Ngày 30/09/2025	8,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.3%	**4.9%**	**-7.3%**

DT thuần
Q3/25
100
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 80.6| 417%
YoY: ▼5.00| -4.5%

LN thuần
Q3/25
-7.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0| -278%
YoY: ▼20.7| -152%

LN sau thuế
Q3/25
-5.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.80| -232%
YoY: ▼23.0| -132%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-6.9%
YoY: +/-▼ 27.3%

ROE (TTM)
Q3/25
6.8%
YoY: +/-▼ 2.8%

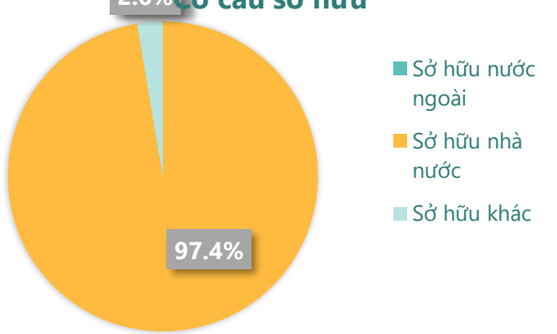
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,319 - 10,149
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	692
Số lượng CPLH (CP)	81,396,192
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.68
EPS	694
P/E	12.3

DT thuần
9T 2025
220
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0| 21.9%

LN thuần
9T 2025
24.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.8| 124%

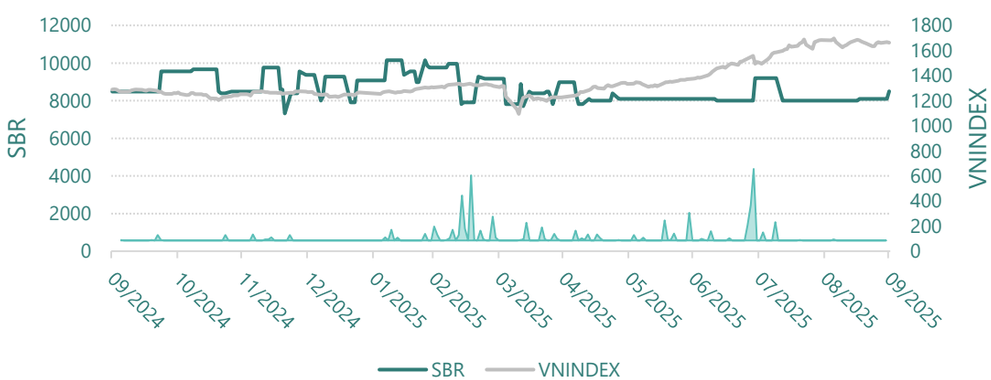
LN sau thuế
9T 2025
21.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.60| 84.2%

Cơ cấu sở hữu

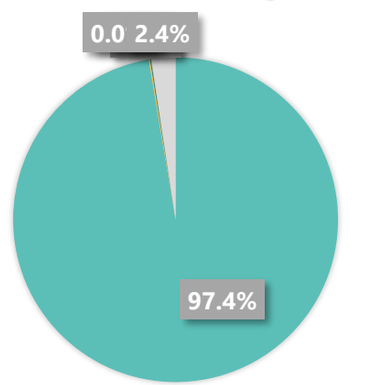


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

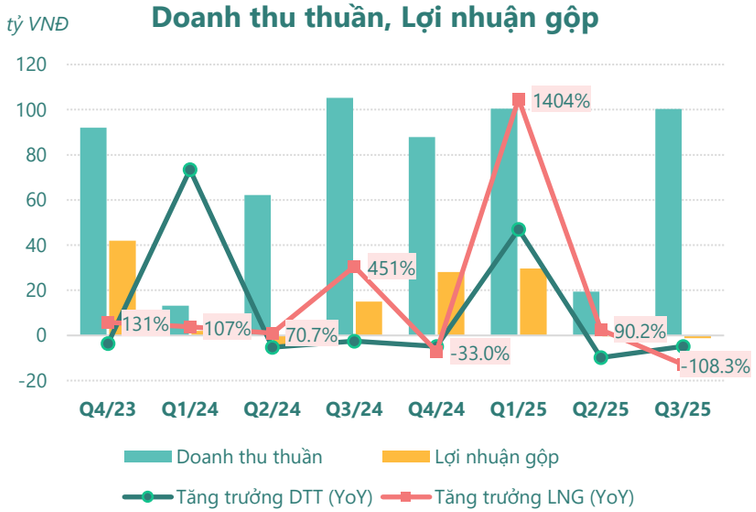


- UBND Tỉnh Bình Phước
- Công đoàn CTCP Cao su Sông Bé
- Nguyễn Đông Dần (Tổng giám đốc)
- Huỳnh Quang Vĩnh (Kế toán trưởng)
- Thái Công Cần (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

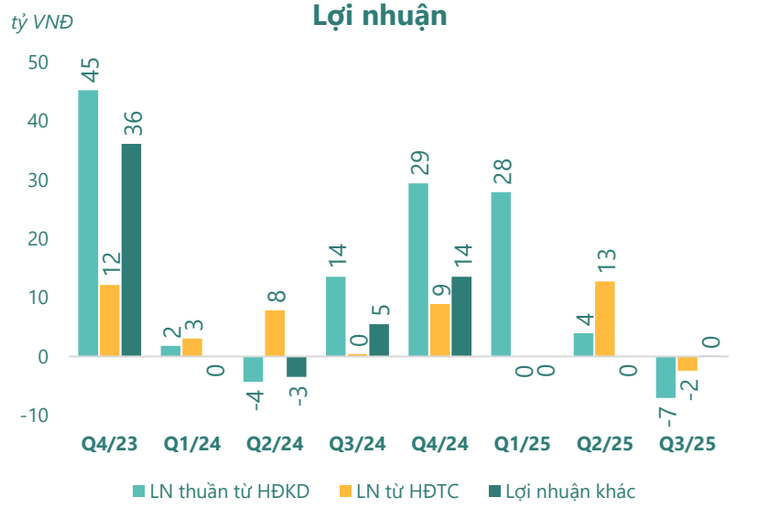
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



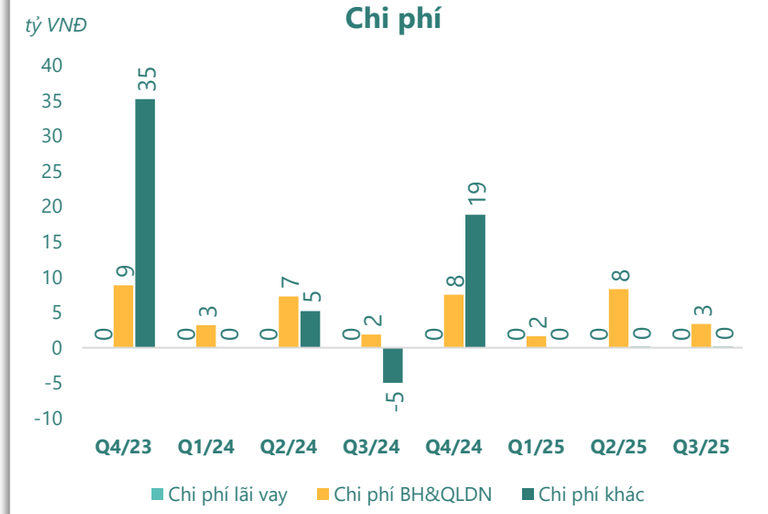
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



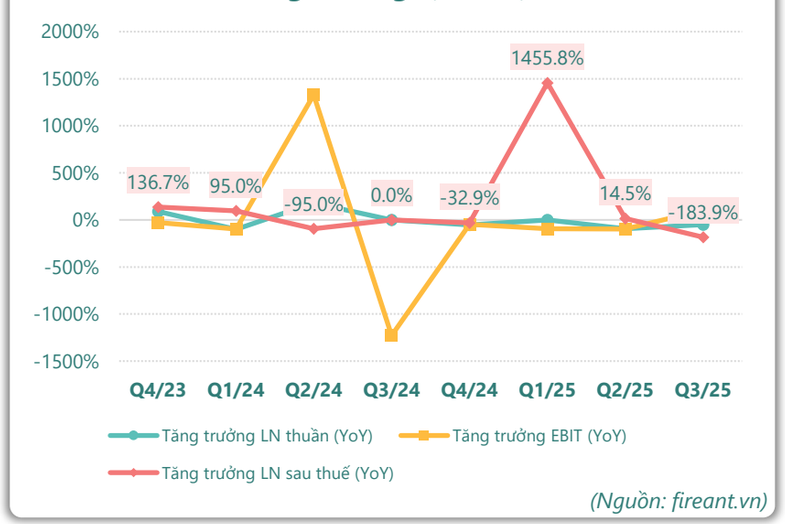
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



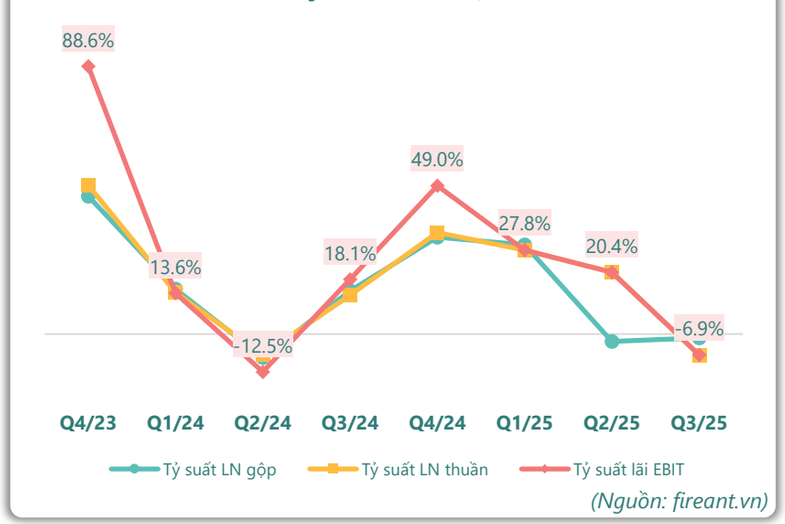
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



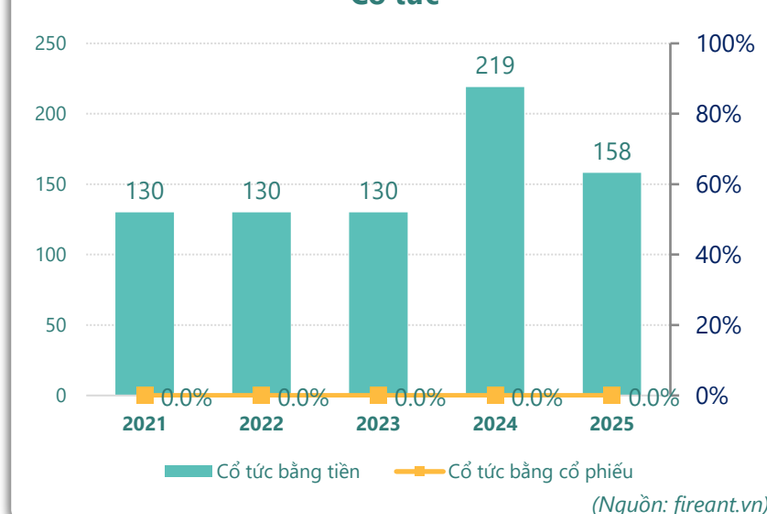
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

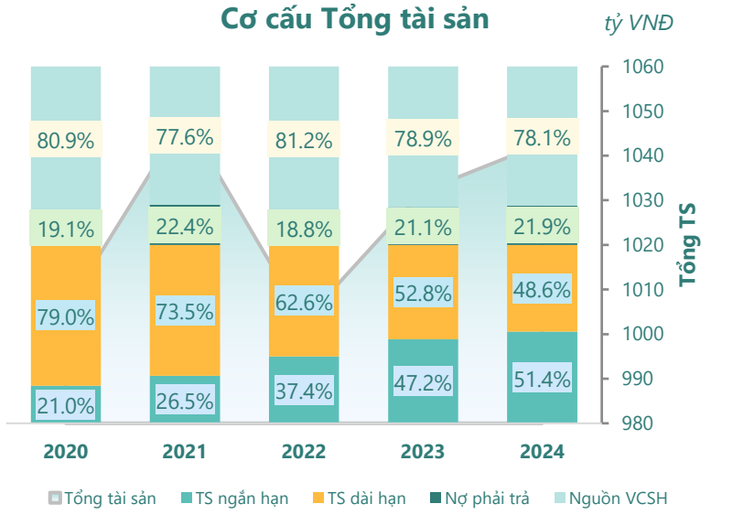
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

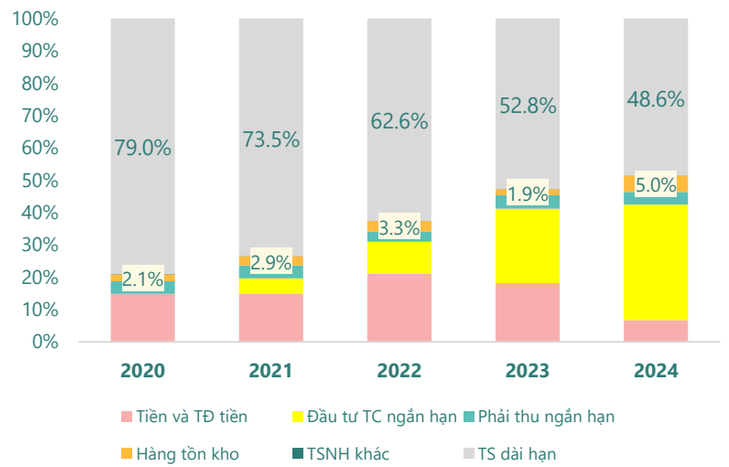
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



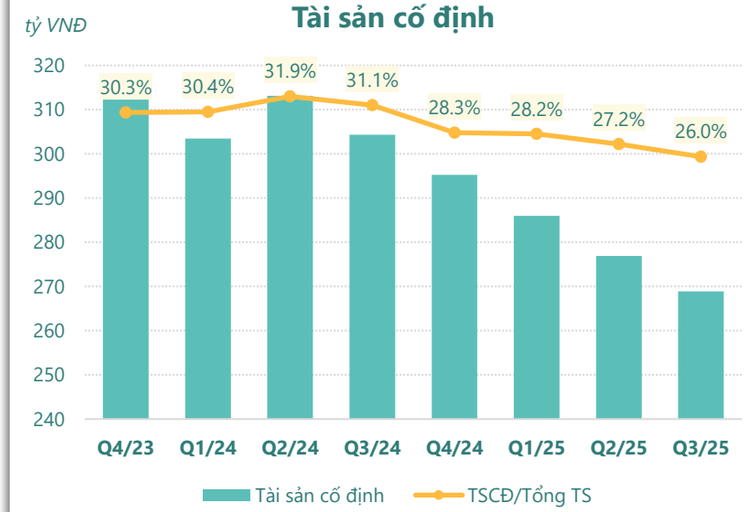
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



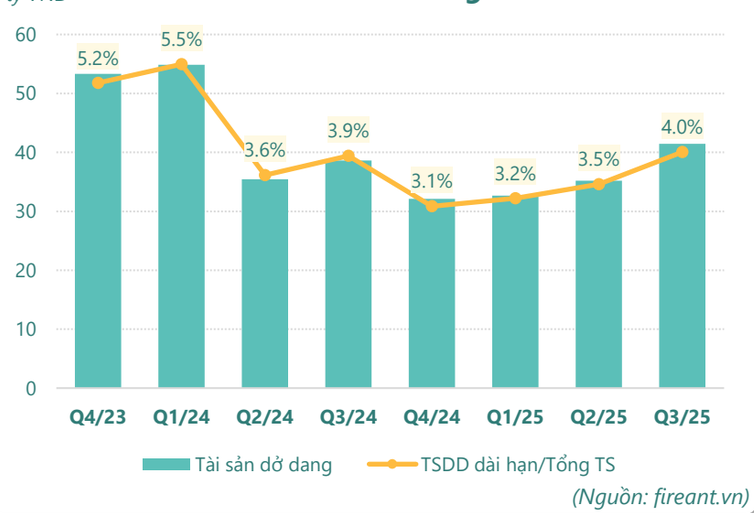
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



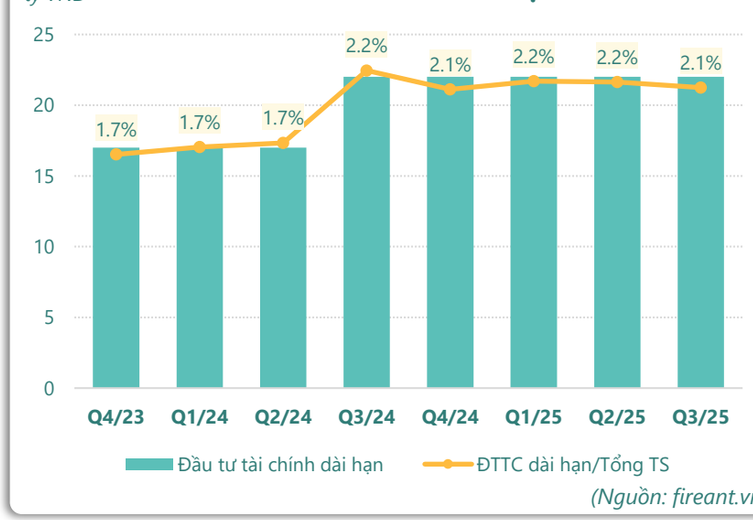
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



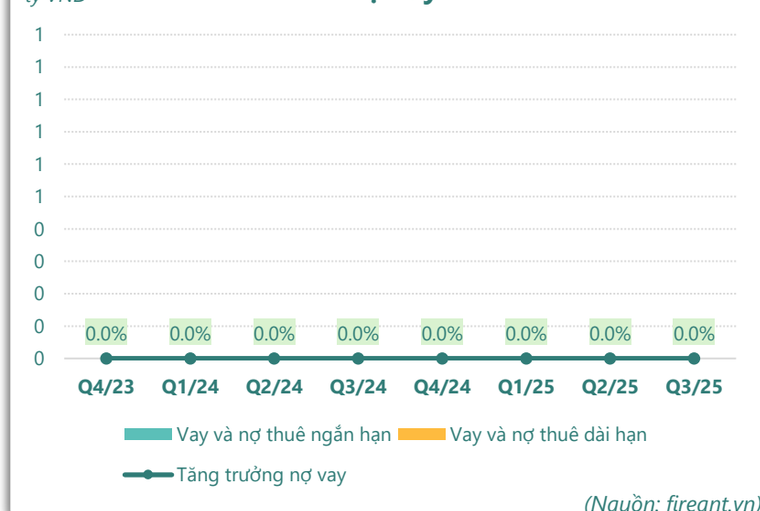
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

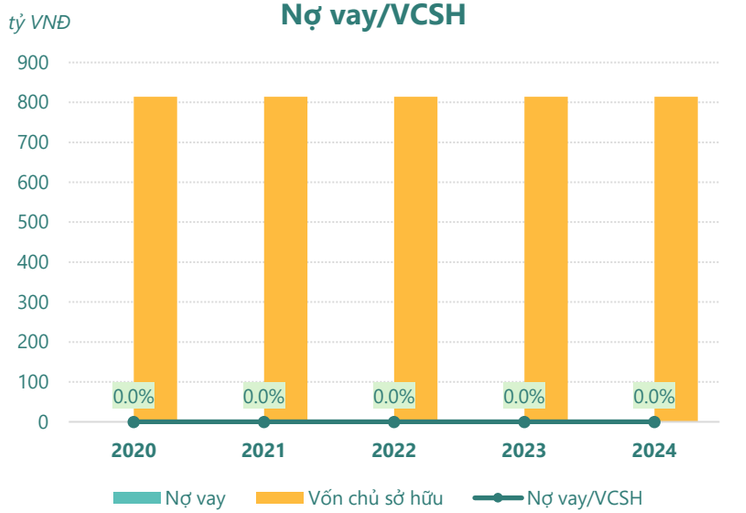
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

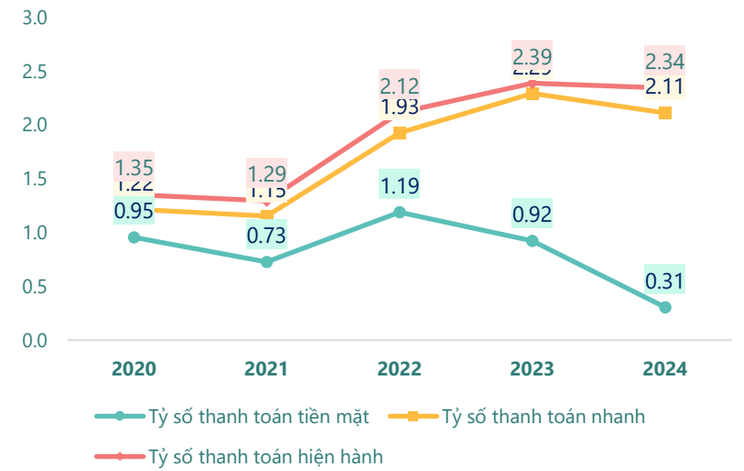
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



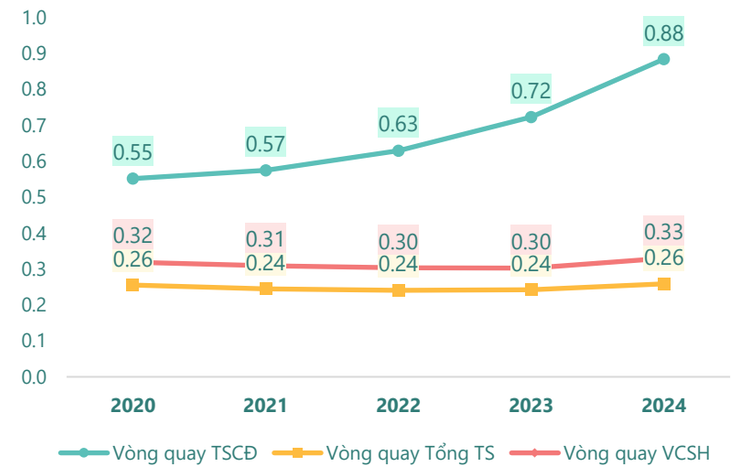
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



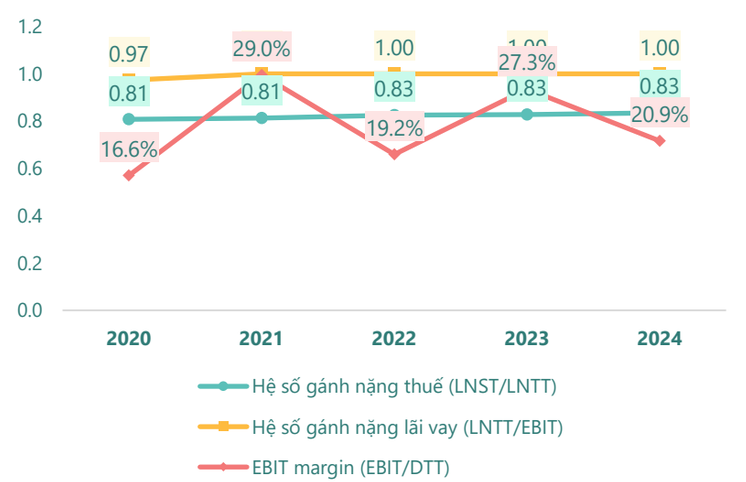
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



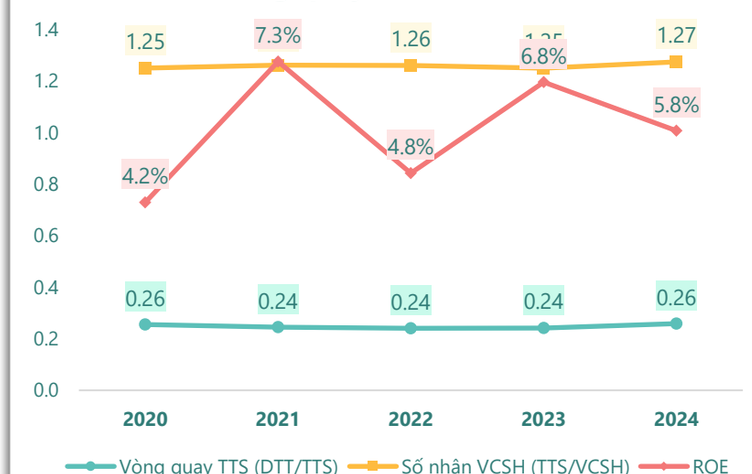
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



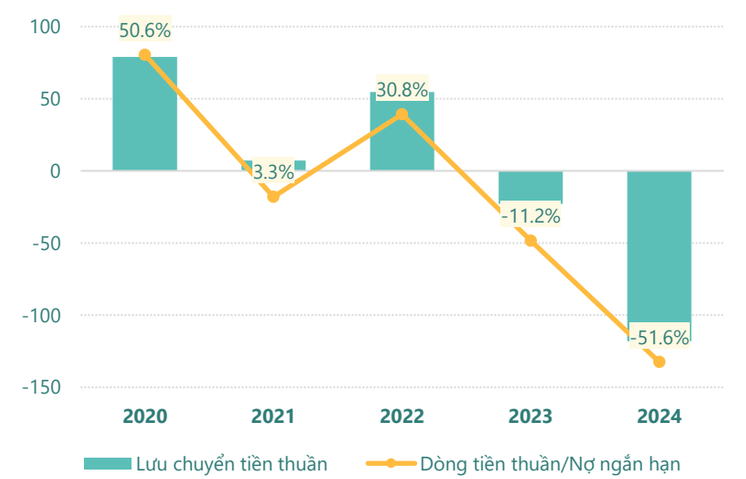
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**100**	**105**	**-4.5%**	**220**	**181**	**21.9%**
Giá vốn hàng bán	102	90.2	12.6%	192	168	14.1%
Lợi nhuận gộp	-1.25	15.0	-108%	27.9	12.2	129%
Doanh thu HĐTC	0.01	2.18	-99.5%	15.5	15.3	1.2%
Chi phí TC	2.46	1.77	38.7%	5.33	4.06	31.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.01	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.06	0.06	-7.3%	0.12	0.10	17.3%
Chi phí QLDN	**3.31**	**1.82**	**81.6%**	**13.2**	**12.3**	**7.0%**
LN thuần từ HĐKD	-7.06	13.6	-152%	24.9	11.1	124%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**5.48**	**-98.0%**	**0.08**	**1.99**	**-95.8%**
LN trước thuế	-6.94	19.0	-137%	24.9	13.1	90.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.57**	**17.4**	**-132%**	**21.0**	**11.4**	**84.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.57**	**17.4**	**-132%**	**21.0**	**11.4**	**84.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.3	49.5	33.7	27.5	-16.8	47.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.72	-42.0	-104	-79.4	24.7	-39.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.9	0	-13.1	0	-12.7	-0.17
Tiền đầu kỳ	141	146	154	70.0	18.1	13.3
Lưu chuyển tiền thuần	**5.19**	**7.53**	**-83.6**	**-51.9**	**-4.83**	**7.32**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	146	154	70.0	18.1	13.3	20.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,035**	**1,043**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	548	536	2.2%
Tiền và tương đương tiền	20.6	70.0	-70.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	480	373	28.8%
Phải thu ngắn hạn	23.2	40.4	-42.7%
Hàng tồn kho	24.0	52.6	-54.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.07	-25.4%
Tài sản dài hạn	**487**	**507**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	5.00	5.00	0.0%
Tài sản cố định	269	295	-8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.5	32.1	29.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	22.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**150**	**152**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	200	229	-12.4%
Nợ ngắn hạn	**200**	**229**	**-12.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.38	2.37	212%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**835**	**814**	**2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**835**	**814**	**2.6%**
Vốn điều lệ	814	814	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)